

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA XX

**về tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển tỉnh Quảng Ngãi
giai đoạn 2021 – 2025**

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/7/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 4 khóa XIX về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của biển, đảo trong phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo được nâng lên. Kinh tế biển của tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Kim ngạch xuất khẩu các ngành kinh tế biển chiếm hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, hàng hóa thông qua cảng tại Khu kinh tế Dung Quất đều vượt chỉ tiêu đề ra. Sản lượng khai thác thủy sản tăng. Du lịch, dịch vụ ven biển có bước tăng trưởng khá. Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở vùng ven biển được quan tâm đầu tư. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường biển được chú trọng. Đời sống Nhân dân được cải thiện. Quốc phòng, an ninh khu vực biển, đảo được tăng cường, giữ vững.

2. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số hạn chế. Một số chỉ tiêu chủ yếu không đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra¹. Phát triển công nghiệp tại các vùng ven biển, hải đảo chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; một số dự án đã đăng ký đầu tư nhưng triển khai chậm tiến độ, nhiều dự án bị thu hồi làm ảnh hưởng đến tốc độ phát triển công nghiệp; hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được đầu tư hoàn thiện;... chưa tạo động lực mạnh cho thu hút đầu tư. Kinh tế thủy sản phát triển chưa đồng bộ, còn yếu trong khâu chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá. Du lịch phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; sản phẩm, dịch vụ du lịch chưa phong phú, đa dạng. Ô nhiễm môi trường vùng ven biển, đảo vẫn còn diễn ra, tình hình an ninh trật tự diễn biến phức tạp; đời sống Nhân dân vùng ven biển, hải đảo còn gặp nhiều khó khăn; chất lượng giáo dục, đào tạo và giải quyết việc làm, chăm sóc sức khỏe Nhân dân còn nhiều hạn chế.

3. Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân nhưng nhấn mạnh một số nguyên nhân chủ yếu sau: Vùng biển luôn bị tác động thường xuyên của thiên tai, bão lũ; ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch Covid-19; tình hình kinh tế - xã hội các địa phương ven biển còn nhiều khó khăn; nguồn lực đầu tư phát triển

¹Tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP các huyện, thành phố, thị xã ven biển; tỷ trọng đóng góp của GRDP các huyện, thành phố, thị xã ven biển vào GRDP toàn tỉnh; sản lượng nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016 - 2020 của huyện Lý Sơn; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng trong cơ cấu kinh tế của huyện Lý Sơn.

kinh tế biển còn hạn chế; cơ chế, chính sách phát triển thủy sản còn nhiều bất cập; cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần ngành thủy sản,... chưa đáp ứng yêu cầu; việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo còn khó khăn do đặc thù khai thác dài ngày của ngư dân trên biển; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa làm tốt vai trò, trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương về phát triển kinh tế biển.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Mục tiêu

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển đồng bộ cả công nghiệp, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, hạ tầng cảng biển, logistics. Quy hoạch, đầu tư, phát triển các khu đô thị, dịch vụ, du lịch ven biển, đảo chất lượng cao. Phát triển bền vững huyện đảo Lý Sơn, tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa biển, lịch sử dân tộc, nâng cao đời sống nhân dân vùng ven biển, đảo. Quản lý hiệu quả tài nguyên, môi trường biển, bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái biển, chủ động ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của khu vực Miền Trung.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế biển: Kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố ven biển và đảo Lý Sơn đến năm 2025 đóng góp trên 90% GRDP toàn tỉnh; các ngành kinh tế biển phát triển bền vững theo các chuẩn mực quốc tế.

2.2. Về xã hội: Tỷ lệ hộ nghèo các địa phương ven biển, đảo, các xã bãi ngang ven biển giảm bình quân 1 - 1,5%/năm. Thu nhập bình quân đầu người của của các huyện, thị xã, thành phố ven biển ít nhất bằng mức bình quân cả nước.

2.3. Về phát triển huyện Lý Sơn: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2025 là 7 - 8%/năm; tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ trong tổng giá trị sản xuất hàng năm khoảng 69 - 70%; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội huyện đảo Lý Sơn được đầu tư đồng bộ, hiện đại, nhất là hoàn thiện hạ tầng về điện, nước ngọt, y tế, giáo dục.

2.4. Về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng:

(1) Ngăn ngừa, kiểm soát, giảm thiểu ô nhiễm môi trường biển; 65% chất thải nguy hại, 90% chất thải rắn sinh hoạt tại các huyện, thị xã, thành phố có biển được thu gom và xử lý, 95% chất thải y tế được xử lý đạt chuẩn.

(2) Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ven biển, các khu đô thị ven biển, đảo được quy hoạch, xây dựng theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; có hệ thống xử lý nước tập trung, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường.

(3) Quản lý và bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển ở vùng ven biển, đảo; phục hồi và bảo vệ các hệ sinh thái khu bảo tồn biển Lý Sơn; độ che phủ rừng các xã

ven biển đến năm 2025 là 25% (đến năm 2030 là 33,4%).

(4) Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phòng tránh, ngăn chặn, hạn chế tác động xói lở bờ biển.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Đẩy mạnh quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò của biển, đảo trong phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển trong thời gian đến.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm của địa phương, đơn vị. Tích cực giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế về biển, đảo của tỉnh Quảng Ngãi để đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển các ngành kinh tế biển.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được xác định trong Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 36-NQ/TW*); Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Kế hoạch số 187-KH/TU ngày 24/4/2019 của Tỉnh ủy khóa XIX về thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW; Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 của Tỉnh ủy khóa XX về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển công nghiệp; Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 24/8/2021 của Tỉnh ủy khóa XX về đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tạo động lực cho phát triển; Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 02/11/2021 của Tỉnh ủy khóa XX về đẩy mạnh phát triển du lịch, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Rà soát, bổ sung, ban hành mới các chương trình, đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách và bố trí nguồn lực hợp lý để tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế biển phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển và ven biển

3.1. Về du lịch và dịch vụ biển

- Bảo tồn, tôn tạo, khai thác hiệu quả các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa, di sản địa chất ở các khu vực ven biển và đảo để phát triển du lịch.

- Xây dựng hạ tầng các khu du lịch theo quy hoạch, phát triển các nhà hàng, khu nghỉ dưỡng, giải trí cao cấp ở khu vực ven biển và đảo; hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác các dự án dịch vụ, du lịch được cấp phép đầu tư.

- Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch biển, đảo; đồng thời, hỗ trợ sản xuất các sản phẩm truyền thống như: tỏi đen, rượu tỏi, rượu hải sâm,...

- Xây dựng và quảng bá hình ảnh thiên nhiên, con người Quảng Ngãi,

du lịch xanh, sinh thái và được công nhận là điểm du lịch quốc gia.

3.2. Về kinh tế hàng hải

Quy hoạch, đầu tư, khai thác hiệu quả các cảng biển gắn với phát triển dịch vụ logistics. Phát triển hệ thống mạng lưới giao thông, vận tải đồng bộ; đầu tư tuyến đường Dốc Sỏi - sân bay Chu Lai, tạo điều kiện phát triển dịch vụ logistics; phát triển cảng nước sâu Dung Quất trở thành một trong những cảng có quy mô lớn của quốc gia; khai thác hiệu quả các cảng Sa Kỳ, Bến Đình.

3.3. Về khai thác dầu khí và các tài nguyên, khoáng sản biển khác

Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản biển; tạo thuận lợi để đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; thu hút đầu tư các ngành khai thác và chế biến khoáng sản biển với quy mô, công suất phù hợp gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học.

3.4. Về nuôi trồng và khai thác hải sản

- Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, trong đó ưu tiên và khuyến khích phát triển sản xuất thủy sản hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, chuyên đổi số, tạo ra sản phẩm có giá trị cao. Bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt. Phát triển nuôi trồng thủy sản vùng ven biển, trên biển với mô hình quản lý phù hợp.

- Cùng cố, phát triển các hợp tác xã dịch vụ, nghiệp đoàn nghề cá...; khuyến khích phát triển đội tàu hậu cần nghề cá, liên doanh, liên kết để thực hiện chuỗi liên kết khai thác, chế biến, tiêu thụ thủy sản đảm bảo chất lượng sản phẩm; hỗ trợ ngư dân cải hoán, đóng mới tàu có công suất lớn, hiện đại; cơ cấu lại tàu thuyền, tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản theo hướng bền vững, đẩy mạnh khai thác tại các vùng biển xa bờ phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản và khả năng phục hồi hệ sinh thái biển.

- Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão gắn với các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá. Ưu tiên đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp ven biển; phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm thủy sản xuất khẩu; khôi phục và phát triển các nghề chế biến thủy sản truyền thống nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

3.5. Về công nghiệp ven biển

- Đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển ngành công nghiệp công nghệ cao; phát triển công nghiệp nặng có quy mô lớn; phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp sạch tại các khu công nghiệp.

- Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đồng thời, gắn kết chặt chẽ với khu vực kinh tế trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ, tiến tới tự chủ công nghệ và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

- Từng bước khôi phục, phát triển hợp lý ngành công nghiệp đóng tàu; nâng cao năng lực các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, cải hoán tàu vỏ thép, composite và vật liệu mới chất lượng cao đủ khả năng khai thác xa bờ; thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp: cơ khí chế tạo, năng lượng, chế biến, các ngành kinh tế biển mới.

3.6. Về năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển khác

- Thu hút đầu tư các dự án năng lượng tái tạo theo quy hoạch, không để xảy ra tình trạng phát triển ồ ạt, thiếu kiểm soát, gây quá tải lưới điện khu vực và hậu quả xấu sau này.

- Nghiên cứu phát triển các ngành kinh tế mới, chế biến một số sản phẩm dựa trên tài nguyên đa dạng sinh học biển như: Dược liệu, thực phẩm chức năng, chế biến rong, tảo, cỏ biển, các phụ phẩm thủy sản,...

4. Phát triển đồng bộ KKT Dung Quất, các KCN, cụm công nghiệp, khu đô thị ven biển

- Phát triển KTT Dung Quất trở thành một trong những trung tâm công nghiệp ven biển trọng điểm của khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, với trọng tâm là các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo, công nghiệp có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao. Huy động nguồn lực xây dựng, phát triển Trung tâm logistics khu vực cảng biển Dung Quất.

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trong KKT Dung Quất, các KCN, cụm công nghiệp ven biển. Kêu gọi các nhà đầu tư đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp trong KKT Dung Quất, KCN Phổ Phong và các cụm công nghiệp. Tập trung hoàn thành các dự án giao thông quan trọng, bảo đảm kết nối các trục phát triển chính trên địa bàn KKT Dung Quất; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án khu công nghiệp, đô thị,...; thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực chất lượng cao; giải quyết tốt vấn đề xã hội, môi trường, tạo sức hấp dẫn với các nhà đầu tư.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án công nghiệp trọng điểm trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN sớm đi vào hoạt động như: Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Nhà máy Điện Dung Quất I, III; kêu gọi đầu tư các dự án điện khí khác; sớm hoàn thành Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Dung Quất.

- Quy hoạch, đầu tư phát triển các khu đô thị, dịch vụ, du lịch ven biển, đảo chất lượng cao; các đô thị dọc theo tuyến đường Dung Quất - Sa Huỳnh theo hướng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng và ứng phó với thiên tai

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển, đảo. Nâng cao năng lực quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Tăng cường trang thiết bị giám sát, cảnh báo về chất lượng môi trường, ứng phó sự cố môi trường; nâng cao chất lượng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép môi

trường; kiểm soát nghiêm ngặt các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn về môi trường đối với các dự án đầu tư có nguy cơ gây ô nhiễm. Quản lý nguồn nước thải, chất thải rắn tại các khu công nghiệp, nước thải tại các vùng nuôi thủy sản tập trung.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, xử lý kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm phòng ngừa, ngăn chặn không để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường ở khu vực ven biển, hải đảo của tỉnh; đẩy mạnh huy động các nguồn lực trong xã hội để bảo vệ môi trường.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Chú trọng công tác phục hồi, bảo tồn hệ sinh thái biển. Trồng rừng phòng hộ ven biển và đảo Lý Sơn, nâng cao hiệu quả quản lý Khu bảo tồn biển Lý Sơn.

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, động đất, sóng thần; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Dự lường các yếu tố tác động để lồng ghép các yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai trong kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

6. Nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo tồn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hoá biển; xây dựng xã hội gắn bó, thân thiện với biển; phát triển khoa học, công nghệ; nâng cao chất lượng nhân lực vùng biển, đảo

- Đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa trong cộng đồng dân cư ven biển, đảo; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, giá trị lịch sử của dân tộc, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển.

- Thực hiện biên soạn tài liệu và triển khai giảng dạy lồng ghép, tích hợp trong các môn học về kiến thức biển, đại dương, kỹ năng sinh tồn, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; ứng phó với thiên tai cho học sinh. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về biển, xây dựng xã hội, ý thức, trách nhiệm, gắn bó, thân thiện với biển. Chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ y tế, nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân ở khu vực ven biển, đảo.

- Tiếp cận, tận dụng tối đa thành tựu, khoa học, công nghệ tiên tiến trong phát triển kinh tế biển. Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; có chính sách để thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho khu vực biển, đảo.

Thực hiện việc xây dựng chính sách hỗ trợ, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động vùng ven biển, đảo để nâng cao đời sống cho người dân vùng biển, hải đảo.

7. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế

Xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại; củng cố và nâng cao các tiềm lực trong khu vực phòng thủ. Tăng cường thể trận

quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kiên quyết, kiên trì thực hiện các giải pháp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; xử lý tốt các tình huống trên biển; tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; gắn hoạt động của các đội tàu đánh bắt hải sản xa bờ với nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, an ninh vùng biển; khuyến khích ngư dân mở rộng ngư trường, tham gia đánh bắt xa bờ, góp phần bảo vệ chủ quyền biên giới biển, đảo của Tổ quốc.

Chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương liên quan để thực hiện tốt các biện pháp đấu tranh chính trị, ngoại giao, pháp lý, kinh tế, quốc phòng, an ninh trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo. Tăng cường năng lực quản lý cửa khẩu, kiểm soát xuất nhập khẩu tại cảng biển, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Mở rộng hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hợp tác phát triển kinh tế biển để thu hút đầu tư, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; hợp tác khai thác hải sản với một số nước trong khu vực. Tranh thủ sự hỗ trợ của quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác tài nguyên biển. Phối hợp giải quyết các vụ việc xảy ra trên biển có yếu tố nước ngoài; kịp thời kiến nghị các cơ quan chức năng có biện pháp bảo hộ công dân, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc Tỉnh ủy, các ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên và nhân dân; theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình hoặc kế hoạch để thực hiện Nghị quyết.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy hướng dẫn việc quán triệt, tuyên truyền và phổ biến Nghị quyết, chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết đến cán bộ đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân.

3. Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo HĐND tỉnh thể chế hóa thực hiện Nghị quyết, tổ chức giám sát việc thực hiện.

4. Ban cán sự đảng UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo UBND tỉnh rà soát, điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách, đề án, chương trình, kế hoạch; bố trí nguồn lực để thực hiện hiệu quả Nghị quyết; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết.

5. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh có kế hoạch tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, các tầng lớp nhân dân hưởng ứng thực hiện và tích cực tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

6. Văn phòng Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự đảng UBND tỉnh giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy

theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết và định kỳ, đột xuất báo cáo, đề xuất Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy những nội dung cần lãnh đạo, chỉ đạo.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ
Đã ký: Bùi Thị Quỳnh Vân**

**ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI
HUYỆN ỦY BÌNH SƠN**

SAO LỤC

Số 321-BS/HU

Bình Sơn, ngày 26 tháng 5 năm 2022

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy,
- UBND huyện,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc HU,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy,
- Lưu VPH.



**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Võ Đức Công